

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày 07-5-2019

V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-DS ngày 28-01-2019 về việc tranh chấp kiện đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn Nh (tên gọi khác Vũ Văn Nh), sinh năm 1964; ĐKKHKT: Ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ hiện nay: Đội 2, P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn N (tên gọi khác Vũ Đình N), sinh năm 1942; địa chỉ: Đội 3, N (xóm Ân Nhân), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Trần Thị N và bà Đỗ Trần M – Luật sư của Công ty luật Đỗ Trần và cộng sự Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1946; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

2. Anh Vũ Văn L, sinh năm 1978 và chị Trần Thị L1, sinh năm 1989; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

3. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

5. Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1986; địa chỉ: P2608-CT10 B – KĐT Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà C, anh Đ, anh N1, chị H: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2018)

6. Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác là C), sinh năm 1963; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 3, N, xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2018).

7. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam: Người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn H1 – chức vụ Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn H1 là ông Bùi Quốc T - chức vụ Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 11 năm 2018).

8. Anh Đoàn Văn Đ1, sinh năm 1977 và chị Mai Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

9. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Đội 2, Xóm 2, N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

1. Ông Doãn Đình T2, sinh năm 1930; địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Ông Cao Xuân T3, sinh năm 1939; địa chỉ: Xóm 3H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Đội 2, HTX Phú Thọ, xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Nh, anh L, bà Ngọc, bà Anh, anh Q, chị L1, ông Hưng, ông T, anh Đ1 có mặt; ông N, bà C, anh Đ, anh N1, chị H, bà M, chị Th, anh H2, ông T3 và ông T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2017, bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Vũ Văn Nh trình bày:

Bố mẹ ông là Vũ Văn N và Vũ Thị Tơ. Do có mâu thuẫn nên đến năm 1970, ông N và bà Tơ đã ly hôn. Trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21

ngày 20-11-1970 có ghi ông N và bà Tơ thỏa thuận phân chia tài sản như sau: “ – Về tài sản giao chiếc nhà 03 gian cho chị Tơ nhận không phải thanh toán; ...- Về đất và ao có 02 sào chia đôi, mỗi bên một nửa, chị Tơ ở phía Đông, anh N ở phía Tây...”. Ông N, bà Tơ có một khuôn thổ diện tích 730 m² tại xóm Ân Nhân (Đội 3, Nam Hải), xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Sau khi ông N, bà Tơ ly hôn, bà Tơ sinh sống trên ngôi nhà 03 gian trên được một thời gian ngắn thì đi làm công nhân theo công trình xây dựng rồi lấy chồng ở xã Nghĩa Châu nhưng không có con, người chồng thứ hai của bà Tơ đã chết năm 2003, bà Tơ sống ở đó cho đến năm 2003. Sau đó ông Nh có đón bà Tơ vào sống cùng ở trong Đồng Nai. Đến ngày 24-3-2004 bà Tơ chết. Khi còn sống bà Tơ có nói để lại cho ông mảnh đất đã được Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng chia khi ly hôn, bà Tơ cũng không bán hay chuyển nhượng mảnh đất trên cho ai.

Sau khi ly hôn ông N lấy vợ khác và sinh được 04 người con, đến năm 2017 ông N tách chia đất cho các con (con của ông N với bà hai) cả phần đất của mẹ ông mà ông không biết (cả mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N). Trên thực T số đất của mẹ ông đã được chia sau khi ly hôn là của ông do được hưởng thừa kế T3 mẹ ông. Do vậy ông Nh khởi kiện yêu cầu: Ông Vũ Văn N trả lại $\frac{1}{2}$ thửa đất mà Toà án đã chia cho mẹ ông theo như Quyết định giải quyết ly hôn ngày 20-11-1970 ($\frac{1}{2}$ thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải) mà ông được thừa kế T3 mẹ ông và đề nghị huỷ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 187 và thửa số 188 tờ bản đồ số 11 năm 2017 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn là ông Vũ Văn N trình bày: Ông N và bà Tơ kết hôn với nhau vào năm 1963, có một con chung là ông Nh, sinh năm 1964. Sau khi kết hôn, bà Tơ sống với bố mẹ đẻ của ông N đến tháng 02 năm 1970, do được hưởng tiêu chuẩn của người tham gia kháng chiến chống Mỹ mà không có đất canh tác nên ông đã được Hợp tác xã Thành Công, xã Nghĩa Hải chia cho 02 sào ruộng để canh tác. Do ông N vẫn ở trong Q ngũ chưa về nên bố mẹ đẻ của ông N tiếp nhận thay, vượt đất làm cho ông một nhà tre 01 gian khoảng 15 m² để ở. Lúc đó bà Tơ không chịu canh tác, đất bỏ hoang, đi ngoại tình, dỡ nhà tre bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng tháng 04 năm 1970, ông N là tH binh trở về địa pH thì được biết bà Tơ đi ngoại tình, sinh được một người con trai. Tháng 11 năm 1970, ông N và bà Tơ đã được Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết ly hôn. Ngay sau khi ly hôn, ông N đã trả 03 tạ thóc bằng giá trị toàn bộ 03 gian nhà tre và $\frac{1}{2}$ thửa đất và công sức vượt lập thổ đất cho bà Tơ theo Quyết định thuận tình ly hôn của Toà án và bà Tơ đã đi lấy chồng, chuyển đi nơi khác sinh sống và kể T3 đó cho đến khi bà Tơ chết, bà Tơ cũng không quay về, không yêu cầu thi hành án, không có bất kỳ tranh chấp đất, nhà hay tài sản gì với ông N. Tháng 12 năm 1970, ông kết hôn với bà Vũ Thị C và được UBND xã Nghĩa Hải chia cho 25 cây thông để làm nhà và canh tác trên 02 sào đất được chia. Đến năm 1972, vợ chồng ông dỡ nhà tre 03 gian và xây nhà gạch 04 gian mái lợp lá bồi, thực hiện kê khai sử dụng đất, nộp nghĩa vụ tài chính đầy đủ với nhà nước, bỏ rất nhiều tiền và công sức vượt lập thổ đất, sinh sống ổn Đ1 cho tới ngày nay và diện tích thực T ông N sử dụng đất khoảng 840 m². Vào năm 1985, ông có chuyển nhượng khoảng 110 m² đất

(tương ứng 4 m mặt đường) cho ông Hưng, sau đó ông Hưng đã chuyển nhượng cho người khác. Diện tích thửa đất còn lại của ông là 730 m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Năm 2016, ông N đã tặng cho vợ chồng anh L 298 m². Ông N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh với các lý do sau:

Thứ nhất: Yêu cầu ông Nh cung cấp Quyết định mà Tòa án giải quyết ly hôn cho ông và bà Tơ năm 1970, chứng minh ông Nh là người thừa kế duy nhất của bà Tơ. Về nguồn gốc đất là do ông N được Hợp tác xã Thành Công chia theo tiêu chuẩn tham gia kháng chiến chống Mỹ năm 1970. Khi được chia bà Tơ không canh tác, để đất bỏ hoang. Ngoài ra nếu có Quyết định ly hôn gốc thì ông đã thực hiện theo Quyết định đó và bà Tơ không có ý kiến, không đề nghị thi hành án hay có tranh chấp gì với ông. Ngoài ra ông cũng quản lý, sử dụng, kê khai, nộp nghĩa vụ tài chính với nhà nước, bỏ ra nhiều tiền và công sức vượt lập thổ đất T3 năm 1970.

Thứ hai là: Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực T sử dụng đất liên tục 49 năm không có ai tranh chấp. Hiện nay thửa đất đã được hai vợ chồng ông bán hết lại cho 04 người con là anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn L, anh Vũ Văn N1 và chị Vũ Thị Thanh H.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N trình bày: Ông Vũ Văn Nh chưa đủ tư cách khởi kiện vì bà Tơ đã chết mà ông Nh chưa làm thủ tục thừa kế và chứng minh ông là chủ sở hữu đối với tài sản nhà đất mà ông khởi kiện. Tài sản nhà đất mà ông Vũ Văn Nh khởi kiện không còn thuộc sở hữu của bà Vũ Thị Tơ. Ông Vũ Văn N đã xác lập quyền sở hữu nhà đất (ông là người quản lý, chiếm hữu ngay tình, công khai 49 năm không có tranh chấp). Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn L là người đại diện theo uỷ quyền của ông N, bà C, anh Đ, anh N1, chị H trình bày: Nhất trí với lời khai của ông N. Anh là con trai của ông N và bà C. Trước đây anh có nghe ông N nhắc đến có một người con chung với bà Tơ nhưng anh chưa gặp mặt bao giờ, mãi đến năm 2017 anh mới được biết. Diện tích 02 thửa đất mà nguyên đơn đề nghị Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất do ông N được Hợp tác xã Thành Công chia theo tiêu chuẩn kháng chiến chống Mỹ T3 năm 1970. Gia đình đã sử dụng ổn Đ1 lâu dài 49 năm, không tranh chấp với ai, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh, nên bố mẹ anh có quyền chia cho con cái là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bởi vậy nên anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nh.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn N1, chị Vũ Thị Thanh H, chị Trần Thị L1, bà Vũ Thị C đều có lời khai nhất trí như lời khai của ông N.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hưng, anh Đ1, chị Th, bà M đều trình bày: Trước đây có chuyển nhượng qua lại một diện tích đất ở vị trí phía Tây thửa đất của ông N, việc chuyển nhượng đã được chính quyền xác nhận và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay xác Đ1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn H2 trình bày: Trước đây anh Nh và bà Tơ có nhận anh là con bà Tơ, nhưng về hồ sơ pháp lý không thể hiện anh là con bà Tơ. Nay anh xác Đ1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp này.

* Ý kiến của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định: Tại công văn số 149/STNMT-VPĐK ngày 18-01-2018 về việc trả lời thông báo việc thụ lý vụ án dân sự đối với đơn khởi kiện của ông Vũ Văn Nh: Việc đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 243199 đối với thửa số 188 Mg tên anh L, chị L1 và số CD 243200 đối với thửa số 187 Mg tên ông N, bà C tờ bản đồ số 11 năm 2017 xã Nghĩa Hải đã ký ngày 29-03-2017. Qua kiểm tra hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận đối với hai thửa đất nêu trên thì thấy việc thiết lập hồ sơ là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định có quan điểm giữ nguyên nội dung công văn số 149/STNMT-VPĐK ngày 18-01-2018 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

* Tại biên bản xác minh ngày 26-10-2018 tại Hợp tác xã Nam Hải, xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng thể hiện: Năm 1993, thực hiện việc chia giao ruộng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Vũ Văn N phải thực hiện cân đối chia giao trừ diện tích đất 10% theo quy định như sau: Tổng diện tích đất thổ 750 m², trong đó 200 m² không phải cân đối. Còn lại đất vườn 235m² tương đương 117m² đất lúa; đất ao 315 m² tương đương 105 m² đất lúa. Như vậy khi chia giao ruộng hộ gia đình ông N phải trừ 220 m² đất lúa ngoài đồng. Theo tiêu chuẩn hộ ông N (tH bình) được cấp 310 m² đất 10%, ông N còn được cấp thêm 88 m² cộng vào diện tích được chia theo tiêu chuẩn ngoài đồng.

* Kết quả xác minh: Sau khi ly hôn với ông N thì bà Tơ có kết hôn với người khác và sinh sống tại xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng nhưng không có con với người chồng đã chết năm 2003.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 166, 236 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 100, 203 Luật đất đai 2013; Điều 18 Nghị Đ1 43/2014/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Các Điều 6, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn Nh về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 243199 và số CD 243200 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 29-03-2017 đối với thửa số 187 và thửa số 188 tờ bản đồ số 11 năm 2017 xã Nghĩa Hải (trước đây là thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải) và đòi lại quyền sử dụng ½ diện tích đất tại vị trí phía Đông của thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-11-2018 ông Vũ Văn Nh là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì lý do xét xử không đúng với sự thật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Anh Vũ Văn L và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông Nh, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: Ngày 20-11-1970 ông N và bà Tơ ly hôn, đã được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết về phần tài sản, bà Tơ được quản lý, sử dụng ngôi nhà 03 gian và một nửa thổ đất phía Đông thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Bà Tơ sử dụng nhà, đất một thời gian ngắn thì đi làm công nhân và đi lấy chồng ở xã Nghĩa Châu, phần tài sản của bà Tơ do ông N sử dụng T3 đó cho đến nay, bà Tơ chưa chuyển nhượng, chưa tặng cho ai. Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã cấp giấy chứng nhận QSD lần đầu cho hộ ông Vũ Văn N ngày 28-12-2004. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 673753 của UBND huyện Nghĩa Hưng đã cấp lần đầu cho hộ ông Vũ Văn N năm 2004 có hợp pháp hay không. Căn cứ vào Điều 613, 614 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế và thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế thì ông Nh là người thừa kế tài sản của bà Tơ, thời điểm mở thừa kế của bà Tơ là ngày 24-3-2004 thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế của bà Tơ vẫn còn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21 ngày 20-11-1970, thì ông Nh là người được hưởng thừa kế tài sản của bà Tơ để lại là một nửa thổ đất phía Đông thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nh là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 310 hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Vũ Văn Nh:

[1] Về tố tụng: Ông N, bà C, anh Đ, anh N1, chị H đã ủy quyền cho anh Vũ Văn L; bà M đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Q tham gia tố tụng nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Chị Th đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng xét thấy quyền lợi của chị không bị ảnh hưởng gì đến phạm vi xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Tòa án cấp sơ thẩm còn có những tH2 sót sau cần rút kinh nghiệm như trong bản án không đưa người làm chứng ông Doãn Đình T2 và ông Cao Xuân T3 vào trong bản án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Vũ Văn Nh khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn N phải trả lại $\frac{1}{2}$ thửa đất mà Tòa án đã chia cho mẹ ông theo như Quyết định giải quyết ly hôn ngày 20-11-1970 ($\frac{1}{2}$ thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải) mà ông được thừa kế T3 mẹ ông. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác Đ1 là “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” như cấp sơ thẩm đã xác Đ1 là đúng.

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn Nh thì thấy: Năm 1963 ông Vũ Văn N và bà Vũ Thị Tơ kết hôn với nhau, trong cuộc sống do có mâu thuẫn tình cảm nên ông bà đã ly hôn năm 1970. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21 ngày 20-11-1970 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng ông bà đã thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: “ – Về tài sản giao chiếc nhà 03 gian cho chị Tơ nhận không phải thanh toán; ...- Về đất và ao có 02 sào chia đôi, mỗi bên một nửa, chị Tơ ở phía Đông, anh N ở phía Tây...”. Sau khi ly hôn bà Tơ sinh sống trên ngôi nhà 03 gian trên được một thời gian ngắn rồi đi làm công nhân và đi lấy chồng chuyển đến xã Nghĩa Châu trên cùng địa bàn huyện Nghĩa Hưng sinh sống cho đến năm 2003, khi chồng thứ hai của bà Tơ chết thì bà mới vào tỉnh Đồng Nai sống cùng con trai là ông Nh. Còn ông N kết hôn với bà C và vẫn sinh sống trên đất đó cho tới nay. Trong quá trình sử dụng đất ông N đã kê khai đăng ký quyền sử dụng toàn bộ thửa đất theo hồ sơ 299 năm 1986, năm 1993 UBND xã Nghĩa Hải thực hiện chia giao ruộng trồng lúa theo Quyết định 115 và Quyết định 990 của UBND tỉnh Hà Nam N1 (nay là Nam Định); Nghị Đ1 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn Đ1 lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì hộ ông N đã được cân đối diện tích đất tại thửa đang có tranh chấp để chia ruộng ngoài đồng. Tại hồ sơ 299 thể hiện thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải Mg tên N và năm 2004 ông N đã được UBND huyện Nghĩa Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, năm 2017 thì ông N đã tách thửa cho các con và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận. Trong suốt quá trình T3 năm 1971 cho đến khi bà Tơ chết ngày 24-3-2004, ông N, bà C đã sử dụng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 33 năm, bà Tơ không sử dụng đất, không kê khai đăng ký gì về diện tích đất nói trên và cũng không có tranh chấp, kH2 kiện gì về diện tích đất được phân chia theo Quyết định ly hôn, điều đó chứng tỏ bà Tơ đã T3 bỏ quyền về tài sản của mình. Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 quy Đ1: (đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục) thì Nhà nước sẽ thu hồi đất giao cho người khác sử dụng, Điều 236 BLDS năm 2015 quy

định người chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó nên việc quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông N và bà C là công khai, ngay tình. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng ông Cao Xuân T3, ông Doãn Đình T2 phù hợp với lời khai của vợ chồng ông N, bà C, năm 1971 ông N đã thanh toán trả cho bà Tơ 3 tạ thóc để được sử dụng phần tài sản nhà đất của bà Tơ. Do đó ông N đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đang có tranh chấp là hợp pháp. Trong quá trình sử dụng đất ông N đã chuyển nhượng một phần diện tích đất ở phía Tây của thửa đất cho người khác, việc chuyển nhượng đất đã được chính quyền xác nhận và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Theo quy định tại Điều 26, Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 nghị Đ1 43/2014/CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì những trường hợp đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nh cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh việc ông là người được hưởng phần tài sản của bà Tơ để lại thừa kế cho ông. Do đó ông Nh khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà Tơ là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Anh Trần Văn H2 trình bày: Anh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này nên anh không có yêu cầu gì. Do đó có thể xác Đ1 tư cách tham gia tố tụng của anh H2 chỉ là người làm chứng, cấp sơ thẩm xác Đ1 anh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

[5] Xét yêu cầu của ông Nh đề nghị hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa số 187 và thửa số 188 tờ bản đồ số 11 năm 2017 xã Nghĩa Hải thì thấy: Tại văn bản số 149/STNMT-VPĐK ngày 18-01-2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định và lời trình bày của ông Bùi Quốc T tại phiên tòa phúc thẩm đã có ý kiến về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nh: Sở Tài nguyên và Môi trường cho rằng việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 243199 và số CĐ 243200 ngày 29-02-2017 (tách thành hai thửa T3 thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải) là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Nh là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nh cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông Nh không được chấp nhận cần giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nh không được chấp nhận nên ông Nh phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nh đã nộp

300.000 đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo biên lai số BB/2012/06138 ngày 07-12-2018, ông Nh đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Những Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể T3 ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 166, 236 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 26, điểm h khoản 1 Điều 64; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 18 Nghị Đ1 43/2014/CP ngày 15-5-2014; Nghị Đ1 64/1993/CP của Chính phủ, Điều 6, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Nh về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 243199 và số CD 243200 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 29-03-2017 đối với thửa số 187 và thửa số 188 tờ bản đồ số 11 năm 2017 xã Nghĩa Hải (trước đây là thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) và đòi lại quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại vị trí phía Đông của thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 năm 2004 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn Nh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng ông Nh đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo biên lai BB/2012/06045 ngày 17-10-2017 được đối trừ, trả lại ông Vũ Văn Nh số tiền 20.700.000 đồng, ông Vũ Văn Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Vũ Văn Nh phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06138 ngày 07-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Ông Nh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lại Văn Tùng